

Số: 950/BC-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP  
CHO THANH NIÊN NĂM 2016**

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp.HCM

Căn cứ công văn số 23993/SLĐTBXH-DN ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc bổ sung, hoàn tất các hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề qua Thẻ cho thanh niên năm 2016.

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo như sau:  
Trong năm 2016 không có thanh niên nào đăng ký học nghề qua Thẻ tại Trường và Trường cũng không được giao kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên nên không có số liệu để báo cáo.

**Nơi nhận:**

- Sở LĐTBXH (phòng Dạy nghề);
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.



**HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Hữu Lộc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ**  
**THỰC HIỆN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP CHO THANH NIÊN NĂM 2017**  
**VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018**

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tp.HCM

Tình hình chung:

| Tên nghề đào tạo | Kết quả thực hiện 07 tháng đầu năm 2017         |                 |                    |                        |           | Ước thực hiện cả năm 2017 |                    |                      |                        |                      | Ước thực hiện năm 2018 |                      |                      |                        |                      |
|------------------|-------------------------------------------------|-----------------|--------------------|------------------------|-----------|---------------------------|--------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
|                  | Số đối tượng                                    | Chi phí đào tạo | Chi hỗ trợ tiền ăn | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng | Số đối tượng              | Chi phí đào tạo    | Chi hỗ trợ tiền ăn   | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng            | Số đối tượng           | Chi phí đào tạo      | Chi hỗ trợ tiền ăn   | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng            |
| (1)              | (2)                                             | (3)             | (4)                | (5)                    | (6)       | (7)                       | (8)                | (9)                  | (10)                   | (11)                 | (12)                   | (13)                 | (14)                 | (15)                   | (16)                 |
| Hàn              | Chưa có thanh niên nào đăng ký học nghề qua Thẻ |                 |                    |                        |           | 20                        | 120.000.000        | 324.000.000          | 42.000.000             | 486.000.000          | 50                     | 300.000.000          | 810.000.000          | 105.000.000            | 1.215.000.000        |
| Tiện, phay       |                                                 |                 |                    |                        |           | 20                        | 80.000.000         | 324.000.000          | 42.000.000             | 446.000.000          | 50                     | 200.000.000          | 810.000.000          | 105.000.000            | 1.115.000.000        |
| Điện dân dụng    |                                                 |                 |                    |                        |           | 40                        | 160.000.000        | 648.000.000          | 84.000.000             | 892.000.000          | 100                    | 400.000.000          | 1.620.000.000        | 210.000.000            | 2.230.000.000        |
| Điện công nghiệp |                                                 |                 |                    |                        |           | 40                        | 160.000.000        | 648.000.000          | 84.000.000             | 892.000.000          | 100                    | 400.000.000          | 1.620.000.000        | 210.000.000            | 2.230.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                 |                 |                    |                        |           | <b>120</b>                | <b>520.000.000</b> | <b>1.944.000.000</b> | <b>252.000.000</b>     | <b>2.716.000.000</b> | <b>300</b>             | <b>1.300.000.000</b> | <b>4.860.000.000</b> | <b>630.000.000</b>     | <b>6.790.000.000</b> |

Trong đó, đối tượng có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh là:

| Tên nghề đào tạo | Kết quả thực hiện 07 tháng đầu năm 2017         |                 |                    |                        |           | Ước thực hiện cả năm 2017 |                 |                    |                        |               | Ước thực hiện năm 2018 |                 |                    |                        |               |
|------------------|-------------------------------------------------|-----------------|--------------------|------------------------|-----------|---------------------------|-----------------|--------------------|------------------------|---------------|------------------------|-----------------|--------------------|------------------------|---------------|
|                  | Số đối tượng                                    | Chi phí đào tạo | Chi hỗ trợ tiền ăn | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng | Số đối tượng              | Chi phí đào tạo | Chi hỗ trợ tiền ăn | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng     | Số đối tượng           | Chi phí đào tạo | Chi hỗ trợ tiền ăn | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng     |
| (1)              | (2)                                             | (3)             | (4)                | (5)                    | (6)       | (7)                       | (8)             | (9)                | (10)                   | (11)          | (12)                   | (13)            | (14)               | (15)                   | (16)          |
| Hàn              | Chưa có thanh niên nào đăng ký học nghề qua Thẻ |                 |                    |                        |           | 16                        | 96.000.000      | 259.200.000        | 33.600.000             | 388.800.000   | 40                     | 240.000.000     | 648.000.000        | 84.000.000             | 972.000.000   |
| Tiện, phay       |                                                 |                 |                    |                        |           | 16                        | 64.000.000      | 259.200.000        | 33.600.000             | 356.800.000   | 40                     | 160.000.000     | 648.000.000        | 84.000.000             | 892.000.000   |
| Điện dân dụng    |                                                 |                 |                    |                        |           | 32                        | 128.000.000     | 518.400.000        | 67.200.000             | 713.600.000   | 80                     | 320.000.000     | 1.296.000.000      | 168.000.000            | 1.784.000.000 |
| Điện công nghiệp |                                                 |                 |                    |                        |           | 32                        | 128.000.000     | 518.400.000        | 67.200.000             | 713.600.000   | 80                     | 320.000.000     | 1.296.000.000      | 168.000.000            | 1.784.000.000 |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                 |                 |                    |                        |           | 96                        | 416.000.000     | 1.555.200.000      | 201.600.000            | 2.172.800.000 | 240                    | 1.040.000.000   | 3.888.000.000      | 504.000.000            | 5.432.000.000 |

**Đối tượng có hộ khẩu thường trú ngoài Thành phố Hồ Chí Minh là:**

| Tên nghề đào tạo | Kết quả thực hiện 07 tháng đầu năm 2017         |                 |                    |                        |           | Ước thực hiện cả năm 2017 |                 |                    |                        |             | Ước thực hiện năm 2018 |                 |                    |                        |               |
|------------------|-------------------------------------------------|-----------------|--------------------|------------------------|-----------|---------------------------|-----------------|--------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|--------------------|------------------------|---------------|
|                  | Số đối tượng                                    | Chi phí đào tạo | Chi hỗ trợ tiền ăn | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng | Số đối tượng              | Chi phí đào tạo | Chi hỗ trợ tiền ăn | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng   | Số đối tượng           | Chi phí đào tạo | Chi hỗ trợ tiền ăn | Chi hỗ trợ tiền đi lại | Tổng cộng     |
| (1)              | (2)                                             | (3)             | (4)                | (5)                    | (6)       | (7)                       | (8)             | (9)                | (10)                   | (11)        | (12)                   | (13)            | (14)               | (15)                   | (16)          |
| Hàn              | Chưa có thanh niên nào đăng ký học nghề qua Thẻ |                 |                    |                        |           | 4                         | 24.000.000      | 64.800.000         | 8.400.000              | 97.200.000  | 10                     | 60.000.000      | 162.000.000        | 21.000.000             | 243.000.000   |
| Tiện, phay       |                                                 |                 |                    |                        |           | 4                         | 16.000.000      | 64.800.000         | 8.400.000              | 89.200.000  | 10                     | 40.000.000      | 162.000.000        | 21.000.000             | 223.000.000   |
| Điện dân dụng    |                                                 |                 |                    |                        |           | 8                         | 32.000.000      | 129.600.000        | 16.800.000             | 178.400.000 | 20                     | 80.000.000      | 324.000.000        | 42.000.000             | 446.000.000   |
| Điện công nghiệp |                                                 |                 |                    |                        |           | 8                         | 32.000.000      | 129.600.000        | 16.800.000             | 178.400.000 | 20                     | 80.000.000      | 324.000.000        | 42.000.000             | 446.000.000   |
| Tổng cộng        |                                                 |                 |                    |                        |           | 24                        | 104.000.000     | 388.800.000        | 50.400.000             | 543.200.000 | 60                     | 260.000.000     | 972.000.000        | 126.000.000            | 1.358.000.000 |

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Hữu Lộc**